TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 3 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:* Bà Trần Thị Tỉnh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị H, sinh năm 2003, địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 2002, địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 10 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Đỗ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn M tự nguyện tìm hiểu, lấy

nhau có tổ chức cưới hỏi theo phong tục và đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào ngày 13/10/2022. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn khoảng 5 tháng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình và vấn đề kinh tế, anh M không tu chí làm ăn mà chơi bời, không quan tâm đến vợ con, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, đã có nhiều lần anh M còn xúc phạm, bới chửi, đánh đập chị. Không thể chịu đựng được tính cách của anh M, nên từ tháng 8 năm 2023 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, nên chị đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 12/02/2023, con hiện nay đang ở với chị. Ly hôn nguyện vọng của chị là xin được trực tiếp nuôi con chung; chị không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng. Tại phiên tòa chị H trình bày hiện tại chị đang ở nhà phu giúp bố mẹ quản lý quá ăn của gia đình, có thu nhập đủ điều kiện kinh tế để nuôi con tốt.

Về tài sản và công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc, vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, nên Tòa án không lấy được lời khai.

Tại biên bản xác minh lập ngày 11/01/2024, đại diện UBND xã Q cho biết: Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn M có quan hệ là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào ngày 13/10/2022. Qúa trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 12/02/2023, con hiện đang ở với chị H. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng địa phương không nắm bắt được do gia đình không báo cáo và không yêu cầu hòa giải ở cơ sở. Hiện nay vợ chồng đã ly thân.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:

I. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, là thực hiện chưa đầy đủ Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, xét vi phạm đó không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quá trình giải quyết vụ án.

II. Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39,

Điều 271 khoản 1 Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị H. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Về hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 12/02/2023 cho chị Đỗ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Đỗ Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đỗ Thị H khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn M, cư trú tại: Thôn B, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Qúa trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn M là hôn nhân hợp pháp, anh chị tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/10/2022. Trong quá trình chung sống với nhau, tình cảm giữa vợ chồng chỉ hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn đã phát sinh nhiều mâu thuẫn về tình cảm, do bất đồng trong sinh hoạt gia đình, giữa vợ chồng không có sự tin tưởng, tôn trọng và chia sẻ với nhau, nên đã thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và xúc phạm nhau; từ tháng 8 năm 2023 vợ chồng đã ly thân. Qúa trình giải quyết vụ án, chị H một mực đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn, còn anh M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết được Tòa án đang thụ lý giải quyết quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng, nhưng không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm, cũng như tham gia các

phiên hòa giải và phiên tòa, điều đó thể hiện anh M không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị H, xử cho chị Đỗ Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

[3] Về con chung: Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn M có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 12/02/2023.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con chung của chị H, thấy rằng: Thực tế hiện nay con chung là cháu L đang còn nhỏ (đang ở độ tuổi dưới 36 tháng tuổi) và hiện đang ở ổn định với chị H, được chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Quá trình giải quyết vụ án, chị H đã chứng minh được các điều kiện để nuôi con, trong khi anh M không đến Tòa án làm việc, không trình bày ý kiến về nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, cần thiết giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là sự tự nguyện của chị H và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận. Do đo, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về phần tài sản và công nợ: Chị Đỗ Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Nguyễn Văn M không có lời khai trong hồ sơ. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Vê quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn M có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 12/02/2023.

Giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng L cho chị Đỗ Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡn. Anh Nguyễn Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con

chung. Anh Nguyễn Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị H đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0016346 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Như vậy, chị Đỗ Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã Xuân Trường;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Minh Tiến